

bộ khoa học trình Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường xem xét, quyết định./.

Bộ trưởng  
Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

**CHU TUẤN NHẠ**

**QUYẾT ĐỊNH số 57/2002/QĐ-BKHCNMT**  
ngày 05/8/2002 về việc ban hành  
**Quy chế Tổ chức và hoạt động**  
**của Cơ quan đầu mối Quốc gia,**  
**Ban chỉ đạo, Cơ quan điều phối**  
**Quốc gia và các cơ quan thực hiện**  
**hợp phần của Dự án Quốc gia**  
**thuộc Dự án “Ngăn chặn xu hướng**  
**suy thoái môi trường ở Biển Đông**  
**và Vịnh Thái Lan”.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ**  
**VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22/5/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;*

*Căn cứ Công văn số 814/CP-QHQT ngày 06/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường làm cơ quan đầu mối của Việt Nam tham gia Dự án “Ngăn chặn xu hướng suy thoái môi trường ở Biển Đông và Vịnh Thái Lan”;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Tổ chức và hoạt động của Cơ quan đầu mối Quốc gia, Ban chỉ đạo, Cơ quan điều phối và các cơ quan thực hiện hợp phần của Dự án Quốc gia thuộc Dự án “Ngăn chặn xu hướng suy thoái môi trường ở Biển Đông và Vịnh Thái Lan” do Quỹ Môi trường toàn cầu tài trợ với sự điều phối của Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc.

**Điều 2.** Quy chế này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi Dự án kết thúc.

**Điều 3.** Thành viên Ban chỉ đạo, Cơ quan điều phối, các cơ quan thực hiện các hợp phần của Dự án Quốc gia, Cục trưởng Cục Môi trường, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng  
Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

**CHU TUẤN NHẠ**

**QUY CHẾ Tổ chức và hoạt động của**  
**Cơ quan đầu mối Quốc gia, Ban**  
**chỉ đạo, Cơ quan điều phối Quốc**  
**gia và các cơ quan thực hiện hợp**  
**phần của Dự án Quốc gia thuộc**  
**Dự án “Ngăn chặn xu hướng suy**  
**thoái môi trường ở Biển Đông và**  
**Vịnh Thái Lan”**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 57/2002/QĐ-BKHCNMT ngày 05/8/2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường).*

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh.

670311

Quy chế này quy định tổ chức và hoạt động của Cơ quan đầu mối Quốc gia, Ban chỉ đạo, Cơ quan điều phối và các cơ quan thực hiện các hợp phần của Dự án Quốc gia nhằm thực hiện tốt sự tham gia của Việt Nam trong dự án “Ngăn chặn xu hướng suy thoái môi trường ở Biển Đông và Vịnh Thái Lan” và đảm bảo các yêu cầu về an ninh Quốc gia và hợp tác bảo vệ môi trường để phát triển bền vững khu vực.

## **Điều 2. Cơ quan đầu mối Quốc gia.**

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường được Chính phủ giao là cơ quan đầu mối Quốc gia của Dự án khu vực.

Để tổ chức thực hiện Dự án, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thành lập Ban chỉ đạo, chỉ định các cơ quan thực hiện các hợp phần và Cơ quan điều phối của Dự án Quốc gia.

Cơ quan đầu mối Quốc gia chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Dự án liên quan đến Việt Nam, thẩm định và điều phối các hoạt động giữa các hợp phần của dự án và các cơ quan liên quan khác.

## **Điều 3. Ban chỉ đạo Dự án Quốc gia.**

1. Ban chỉ đạo Dự án Quốc gia có trách nhiệm và quyền hạn sau:

a) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về toàn bộ hoạt động của Dự án Quốc gia, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện Dự án.

b) Xem xét và phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện Dự án của phía Việt Nam, phê duyệt kế hoạch cụ thể thực hiện các hợp phần, thẩm định các báo cáo, thông tin, số liệu trước khi chuyển Ban điều phối Dự án khu vực.

c) Tham gia các đoàn kiểm tra việc thực hiện dự án của các cơ quan thực hiện các hợp phần của

Dự án khi có đề xuất của Cơ quan điều phối dự án.

d) Cử đại diện tham gia Ban chỉ đạo Dự án khu vực.

2. Trưởng Ban chỉ đạo Dự án Quốc gia chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về toàn bộ hoạt động của Ban chỉ đạo. Trưởng Ban chỉ đạo chủ trì các cuộc họp Ban chỉ đạo. Trường hợp Trưởng Ban chỉ đạo vắng mặt, có thể ủy quyền cho Phó trưởng Ban chủ trì các cuộc họp này.

3. Ban chỉ đạo sẽ họp định kỳ 3 tháng một lần. Trường hợp cần thiết, Trưởng Ban chỉ đạo có thể triệu tập các cuộc họp bất thường để giải quyết các vấn đề đột xuất.

4. Ban chỉ đạo quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số tại các cuộc họp Ban chỉ đạo hoặc thông qua ý kiến bằng văn bản.

5. Đối với việc lấy ý kiến bằng văn bản: Thành viên Ban chỉ đạo có nhiệm vụ xem xét và có ý kiến đối với các vấn đề cần xin ý kiến của các thành viên Ban chỉ đạo trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản yêu cầu xin ý kiến.

6. Ban chỉ đạo sử dụng Cơ quan điều phối Dự án Quốc gia làm Ban thư ký của Ban chỉ đạo.

## **Điều 4. Cơ quan điều phối Dự án Quốc gia.**

1. Cơ quan điều phối Dự án Quốc gia do Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chỉ định.

2. Cơ quan điều phối Dự án Quốc gia giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường điều phối các hoạt động của Việt Nam tham gia vào Dự án khu vực.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan điều phối Dự án Quốc gia:

a) Đầu mối liên lạc với Ban quản lý Dự án khu vực và các cơ quan thực hiện các hợp phần của Dự án phía Việt Nam.

b) Theo dõi, giám sát việc thực hiện các hợp phần của Dự án và báo cáo lên Trưởng Ban chỉ đạo Dự án.

c) Thành lập và điều phối hoạt động của Nhóm chuyên gia kỹ thuật Quốc gia nhằm tư vấn cho Ban chỉ đạo về mặt kỹ thuật của Dự án.

d) Tổ chức các cuộc họp Ban chỉ đạo Dự án Quốc gia, chuẩn bị các tài liệu, thông tin cho các cuộc họp của Ban chỉ đạo Dự án Quốc gia.

e) Tổ chức thẩm định các báo cáo quốc gia trình Ban chỉ đạo phê duyệt trước khi gửi cho Ban quản lý Dự án khu vực.

**Điều 5.** Cơ quan thực hiện hợp phần của Dự án Quốc gia.

1. Cơ quan thực hiện hợp phần của Dự án Quốc gia do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chỉ định.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan thực hiện hợp phần của Dự án Quốc gia.

a) Dưới sự chỉ đạo của Ban chỉ đạo và sự điều phối của cơ quan Điều phối Dự án, Cơ quan thực hiện hợp phần của dự án thực hiện các nhiệm vụ đã được UNEP, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Cơ quan thực hiện hợp phần Dự án thỏa thuận.

b) Xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm gửi cơ quan điều phối Dự án Quốc gia trình Ban chỉ đạo dự án phê duyệt. Kế hoạch sau khi được phê duyệt là căn cứ để triển khai thực hiện các nội dung theo thỏa thuận với UNEP và là căn cứ để Ban chỉ đạo Dự án chỉ đạo và giám sát hoạt động thực hiện các hợp phần và điều phối hoạt động chung của Dự án Quốc gia.

c) Báo cáo cho Cơ quan điều phối Dự án về tiến độ thực hiện Dự án 3 tháng 1 lần, vào cuối các quý của năm.

d) Báo cáo và nộp các báo cáo sản phẩm của dự án, số liệu, thông tin liên quan đến việc thực hiện các hợp phần của dự án cho Cơ quan điều phối Dự án Quốc gia thẩm định trước khi trình Ban chỉ đạo dự án phê duyệt trước khi gửi cho Ban quản lý Dự án khu vực.

e) Báo cáo cho Cơ quan điều phối Dự án Quốc gia về các hoạt động liên quan mà cơ quan thực hiện hợp phần dự án tham gia.

f) Cơ quan thực hiện hợp phần của Dự án có trách nhiệm bố trí nguồn lực đảm bảo duy trì các hoạt động của Dự án./.

Bộ trưởng

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

**CHU TUẤN NHẠ**

**QUYẾT ĐỊNH số 58/2002/QĐ-BKHCNMT**  
ngày 07/8/2002 về việc hủy bỏ Tiêu chuẩn Việt Nam.

**BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ  
VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22/5/1993 Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;*

*Căn cứ Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa ngày 24 tháng 12 năm 1999;*